

Bản án số: 07/2025/HS-ST
Ngày: 08 - 01 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hữu Tường;

Ông Võ Văn Tốt.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Quang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nụ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 459/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Minh T; sinh ngày 21 tháng 9 năm 2000 tại: Tỉnh Bình Dương; Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: 1/24 đường N, Khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nhân viên hợp đồng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T1 và bà Đoàn Mỹ D; chồng, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/8/2024 (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Hữu K và ông Phạm Hữu Q - Luật sư Công ty L1, Đoàn luật sư Thành phố H. Địa chỉ: 2 V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

Bị hại:

- Chị Trần Lê Nguyên T2, sinh năm 1999; Địa chỉ cư trú: H Ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- Chị Phan Thị Kiều M, sinh năm 2004; Địa chỉ cư trú: 7 đường N, Khu phố B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- Anh Phạm Trần Mạnh H, sinh năm 1998; Địa chỉ cư trú: 62/19/33 Khu phố C, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Tấn G, sinh năm 2000; Địa chỉ cư trú: 9 H, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Vắng mặt).

- Anh Trần Minh G1, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: C Chung cư G, 2 đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Vắng mặt).

- Chị Lê Thị Thu H1, sinh năm 1997; Địa chỉ cư trú: C Chung cư G, 2 đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Vắng mặt).

- Anh Đỗ Anh H2, sinh năm 2003; Địa chỉ cư trú: A N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Vắng mặt).

- Ông Trần Minh H3, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: 1 đường N, Khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh T trước đây là nhân viên của Công ty TNHH V, địa chỉ: Tầng D, Tòa nhà Q, Công viên phần mềm Q, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã nghỉ việc. Sáng ngày 16/6/2024, T rủ Nguyễn Tấn G đến Công ty V, tại địa chỉ nêu trên để trả thẻ nhân viên và lấy tư trang cá nhân thì G đồng ý. Khoảng 12 giờ cùng ngày, G điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vespa, biển số 61B1-185.33 chở T đến tòa nhà QTSC9, Công viên phần mềm Q. Tại đây, G đứng bên ngoài còn T lên lầu 4 của tòa nhà. Khi đi đến phòng L (phòng chứa tủ đồ của nhân viên trong công ty), T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên T dùng tay phải mở từng tủ đồ của nhân viên Công ty thì phát hiện tủ số 181 của chị Trần Lê Nguyên T2 không khóa, bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh nên T dùng tay phải lấy trộm điện thoại trên. Sau đó, T tiếp tục mở tủ số 097 không khóa lấy trộm điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 promax màu vàng của anh Phạm Trần Mạnh H và mở tủ số 100 không khóa, lấy trộm điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 promax màu trắng của chị Phan Thị Kiều M. Cả 03 điện thoại nêu trên được T cất giấu vào bên trong túi xách màu xanh xám T mang theo rồi đi ra gặp G. T không nói cho G biết việc T trộm cắp 03 chiếc điện thoại nêu trên và G đã điều khiển xe mô tô biển số 61B1-185.33 chở T về nhà của G, địa chỉ số I H, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Sau đó, T điều khiển xe mô tô nêu trên về nhà của T, địa chỉ số A đường N, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương để cất giấu 03 điện thoại vừa chiếm đoạt được.

Trên đường từ nhà G về, T sử dụng tài khoản mạng xã hội tên “T” nhắn tin cho Lê Thị Thu H1 để bán 03 điện thoại di động vừa trộm cắp được. T nói với H1 về nguồn gốc 03 điện thoại di động mà T bán là của bạn T cần trừ nợ thì được H1 hướng dẫn đến gặp Trần Minh G1 để kiểm tra. Do đó, T đi về nhà lấy 03 điện thoại nêu trên tháo từng sim điện thoại ra rồi điều khiển xe mô tô biển số 61B1-185.33 đi đến cửa hàng T4, địa chỉ D đường C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương do Trần Minh G1 làm chủ thì gặp Đỗ Anh H2, là nhân viên cửa hàng. Tại đây, T đưa 03 điện thoại di động vừa trộm cắp được cho H2 xem nhưng không mở được mật khẩu nên H2 nhắn tin, gọi điện thoại cho G1. Do Hào không mở được mật khẩu nên T để 03 điện thoại di động nêu trên tại cửa hàng TL79 rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà. T không nói cho H2 biết điện thoại nêu trên là do T phạm tội mà có.

Đến khoảng 14 giờ 30 cùng ngày, T tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 61B1-185.33 đến cửa hàng TL79, địa chỉ nêu trên gặp anh G1. Tại đây, T nói cho G1 biết 03 điện thoại nêu trên được bạn của T cần trừ nợ rồi điều khiển xe mô tô đi chơi thì gặp Lê Thị Thu H1, là bạn gái của G1. H1 nói cho T biết 02 điện thoại di động nhãn hiệu 14 promax bán được 13.500.000 đồng thì T đồng ý.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T đến cửa hàng T4. Tại đây, G1 không thu mua điện thoại di động hiệu Iphone 11 mà chỉ mua 02 điện thoại di động Iphone 14 Promax với tổng số tiền 13.500.000 đồng thì T đồng ý. Gọi đưa cho T số tiền là 3.500.000 đồng và nhờ H1 chuyển khoản 10.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 0506210920000 được mở tại Ngân hàng S do T làm chủ tài khoản rồi T đi về. T không nói cho G1, H2 và H1 biết 03 điện thoại di động nêu trên là do T trộm cắp mà có. Đến ngày 17/6/2024, anh Phạm Trần Mạnh H, chị Phan Thị Kiều M và chị Trần Lê Nguyên T2 đến Công an phường T, Quận A trình báo sự việc. Qua truy xét, ngày 18/6/2024 Công an phường T, Quận A mời Trần Minh T về trụ sở làm việc, lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 xử lý. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1, Trần Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên, lời khai nhận tội của T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 thu thập được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 191/KL-HĐĐGTS ngày 25/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận A, kết luận: Tổng giá trị 03 điện thoại di động Trần Minh T chiếm đoạt 40.250.000 đồng. Trong đó, điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu vàng, trị giá 18.500.000 đồng; điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu trắng, trị giá 17.500.000 đồng và điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu xanh, trị giá 4.250.000 đồng.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu tím, số imei 1: 353973106654123, imei 2: 353973106699557, T sử dụng liên lạc với Trần Minh G1 và Lê Thị Thu H1.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu vàng, số imei 1: 353791984404068; imei 2: 35379198429541. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã trả cho anh Phạm Trần Mạnh H.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu trắng, số imei 1: 353885660847374; imei 2: 353885660542140. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã trả cho chị Phan Trần Kiều M1.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu xanh, số imei 1: 35747617397096, imei 2: 352747617312798. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã trả cho chị Trần Lê Nguyên T2.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Vespa, màu đỏ, biển số 61B1-185.33, số máy M665M034741, số khung 6300CV034511. Qua xác minh, xe mô tô trên do ông Trần Minh H3 là anh ruột Trần Minh T, địa chỉ số A đường N, Khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương đứng tên đăng ký. Ông H3 không biết Trần Minh T sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã trả xe cho ông Trần Minh H3.

- 01 (một) quần dài màu xanh sọc trắng; 01 (một) áo thun màu xám trên ngực có dòng chữ BALENCIAGA; 01 (một) áo khoác trùm đầu, dài tay, màu xanh-đen phía sau có chữ CHRISTIAN DIOR; 01 (một) túi xách màu xanh xám, kích thước 46x28x6; 01 (một) mắt kính màu nâu; 01 (một) đôi dép cao su màu xanh dương. Đây là trang phục T khi thực hiện hành vi phạm tội.

- Tiền Ngân hàng N: 7.000.000 đồng (thu giữ của T).

- 02 (hai) USB chứa hình ảnh dữ liệu việc T lấy trộm và bán điện thoại di động (lưu hồ sơ vụ án).

* Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Phan Trần Kiều M1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường. Các bị hại Trần Lê Nguyên T2 và Phạm Trần Mạnh H đã nhận lại tài sản và bị cáo đã thương lượng bồi thường xong. Bị cáo cũng đã trả lại tiền bán điện thoại cho anh Trần Minh G1. Bị hại và các đương sự không có yêu cầu bồi thường và không yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số 331/CT-VKS, ngày 07/11/2024 Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 đã truy tố Trần Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 sau khi luận tội đã giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trần Minh T về tội trộm cắp tài sản. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Trần Minh T từ 01 năm (một năm) 06 tháng (sáu tháng) đến 02 năm (hai năm) tù.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu tím, số imei 1: 353973106654123, imei 2: 353973106699557, T sử dụng liên lạc với Trần Minh G1 và Lê Thị Thu H1 để bán 03 điện thoại do T3 trộm cắp mà có; 7.000.000 đồng tiền Ngân hàng N thu giữ của T do phạm tội mà có.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) quần dài màu xanh sọc trắng; 01 (một) áo thun màu xám trên ngực có dòng chữ BALENCIAGA; 01 (một) áo khoác trùm đầu, dài tay, màu xanh-đen phía sau có chữ CHRISTIAN DIOR; 01 (một) túi xách màu xanh xám, kích thước 46x28x6; 01 (một) mắt kính màu nâu; 01 (một) đôi dép cao su màu xanh dương. Đây là trang phục T khi thực hiện hành vi phạm tội.

- Lưu hồ sơ vụ án 02 (hai) USB chứa hình ảnh dữ liệu việc T lấy trộm và bán điện thoại di động.

Người bào chữa và bị cáo trình bày lời bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả đầy đủ, có đơn bãi nại của bị hại Trần Lê Nguyên T2; bị cáo có cha mẹ già, có nơi cư trú ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết lỗi và hứa sẽ không tái phạm, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng tại phiên tòa: Chị Trần Lê Nguyên T2, chị Phan Thị Kiều M, anh Phạm Trần Mạnh H là bị hại và anh Nguyễn Tấn G, anh Trần Minh G1, chị Lê Thị Thu H1, anh Đỗ Anh H2, ông Trần Minh H3 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, quá trình điều tra các đương sự trên đã có lời khai. Việc vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tội danh và hình phạt:

[3.1] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo và bị hại tại cơ quan điều tra, hình ảnh nhận dạng, bản ảnh, biên bản đối chất, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 12 giờ ngày 16/6/2024, tại phòng Locker của Công ty trách nhiệm hữu hạn V1, lầu D, Tòa nhà Q Công viên phần mềm Q, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, Trần Minh T3 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh trị giá 4.250.000 của bà Trần Lê Nguyên T2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu vàng trị giá 18.500.000 đồng của ông Phạm Trần Mạnh H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu trắng trị giá 17.500.000 đồng của bà Phan Thị Kiều M. Tổng giá trị tài sản bị cáo Trần Minh T chiếm đoạt là 40.250.000 đồng. Hành vi trên của Trần Minh T đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 331/CT-VKS ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3.2] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của các bị hại trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tội phạm do bị cáo thực hiện đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết hành vi trộm cắp tài sản là trái pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ sức lao động nên đã cố tình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[3.4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả đầy đủ. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo chỉ gây thiệt hại về tài sản và bị hại Trần Lê Nguyên T2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội trộm cắp tài sản còn có thể bị phạt tiền. Xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu vàng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã trả cho anh Phạm Trần Mạnh H; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu trắng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã trả cho chị Phan Trần Kiều M1 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu xanh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã trả cho chị Trần Lê Nguyên T2 là đúng quy định.

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Vespa, màu đỏ, biển số 61B1-185.33, số máy M665M034741, số khung 6300CV034511 do ông Trần Minh H3 là anh ruột Trần Minh T đứng tên đăng ký. Ông H3 không biết Trần Minh T sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã trả xe cho ông Trần Minh H3 là có cơ sở.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu tím, số imei 1: 353973106654123, imei 2: 353973106699557 là vật chứng có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, T sử dụng liên lạc, thỏa thuận với Trần Minh G1 và Lê Thị Thu H1 để bán 03 điện thoại do T trộm cắp mà có nên căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) túi xách màu xanh xám, kích thước 46x28x6 là công cụ bị cáo sử dụng để cất giấu tài sản trộm cắp, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với 01 (một) quần dài màu xanh sọc trắng; 01 (một) áo thun màu xám trên ngực có dòng chữ BALENCIAGA; 01 (một) áo khoác trùm đầu, dài tay, màu xanh-đen phía sau có chữ CHRISTIAN DIOR; 01 (một) mắt kính màu nâu; 01 (một) đôi dép cao su màu xanh dương. Đây là trang phục của bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng. Tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu nhận lại nên căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, cần tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) tiền Ngân hàng N thu giữ của Trần Minh T. Nguồn gốc số tiền này trong tổng số 13.500.000 đồng của anh Trần Minh G1 trả cho T để mua 02 điện thoại di động Iphone 14 Promax. Đây là số tiền do phạm tội mà có nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 02 (hai) USB chứa hình ảnh dữ liệu việc T lấy trộm và bán điện thoại di động tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Phan Trần Kiều M1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường. Các bị hại Trần Lê Nguyên T2 và Phạm Trần Mạnh H đã nhận lại tài sản và bị cáo đã thương lượng bồi thường xong. Bị cáo cũng đã trả lại số tiền bán 02 điện thoại di động Iphone 14 Promax là 13.500.000 đồng cho anh Trần Minh G1, trong đó gồm 3.500.000 đồng của anh Trần Minh G1 và 10.000.000 đồng anh G1 vay của chị Lê Thị Thu H1 để trả cho bị cáo. Anh G1 cũng đã hoàn trả 10.000.000 đồng tiền vay cho chị H1. Các đương sự không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

[6] Những vấn đề khác: Đối với anh Nguyễn Tấn G, quá trình điều tra xác định T không rủ đi trộm cắp tài sản và T cũng không nói cho G biết việc T lấy trộm 03 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone các loại vào ngày 16/6/2024; đối với anh Trần Minh G1, chị Lê Thị Thu H1 và anh Đỗ Anh H2 không biết các điện thoại di động nêu trên là tài sản do T trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 không đề nghị xử lý với các đương sự trên là có cơ sở.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 về tội danh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Tuy nhiên, về hình phạt Viện kiểm sát đề nghị có phần nghiêm khắc đối với bị cáo. Qua xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng, việc xử phạt bị cáo mức án thấp hơn Viện Kiểm sát đề nghị cũng đủ sức răn đe, giáo dục và tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo thành người có ích cho xã hội, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 46; Điều 47; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 106; Điều 123; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 331, Điều 332, Điều 333, Điều 336 và Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Minh T 01 năm (một năm) 03 tháng (ba tháng) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Trần Minh T theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Hội đồng xét xử kể từ ngày tuyên án đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo Trần Minh T.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu tím, số imei 1: 353973106654123, imei 2: 353973106699557 và 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) tiền Ngân hàng N.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) túi xách màu xanh xám, kích thước 46x28x6; 01 (một) quần dài màu xanh sọc trắng; 01 (một) áo thun màu xám trên ngực có dòng chữ BALENCIAGA; 01 (một) áo khoác trùm đầu, dài tay, màu xanh-đen phía sau có chữ CHRISTIAN DIOR; 01 (một) mắt kính màu nâu; 01 (một) đôi dép cao su màu xanh dương.

(Chi tiết vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 294/QĐ-VKS ngày 07/11/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12).

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 02 (hai) USB chứa hình ảnh dữ liệu việc T lấy trộm và bán điện thoại di động.

4. Về án phí: Bị cáo Trần Minh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THA Dân sự Quận 12;
- Công an Quận 12;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu : HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp